TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 8 - 2019
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Diện

2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Như Bình **-** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị M - Sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N- Sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2019 và bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Dương Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T (Nay là phường B, thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 15 tháng 01 năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không quan tâm đến vợ, con và không chung thủy. Chị và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Hiện tại, chị cảm thấy không còn tình cảm với anh N nữa nên có nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh N để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh N có 02 con chung, tên là Nguyễn Dương Thanh B, sinh ngày 29/7/2011 và Nguyễn Phú Q, sinh ngày

04/8/2014. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh Ninh phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị và anh N không có tài sản chung, không vay tài sản của ai cũng như không cho ai vay tài sản của vợ chồng.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh đồng ý, thống nhất với lời trình bày của chị M về quá trình đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên anh cho rằng, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn là do mâu thuẫn giữa chị M và những người thân trong gia đình anh. Vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm đối với nhau cũng không còn nên nay chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Đối với con chung, anh trình bày nguyện vọng được nuôi một trong hai con chung và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Dương Thị M có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N; anh N có nơi cư trú tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị M và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Bađã tiến hành phân tích, kiên trì hòa giải mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Xét nguyện vọng tha thiết xin được ly hôn của chị M cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị M được ly hôn đối với anh N là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Trong quá trình chung sống, chị Dương Thị M và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung, tên là Nguyễn Dương Thanh B, sinh ngày 29/7/2011 và Nguyễn Phú Q, sinh ngày 04/8/2014. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi hai con chung. Tuy nhiên, anh N không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết cho mỗi người được nuôi một con chung, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Căn cứ nguyện vọng của các bên trên cơ sở xem xét các điều kiện về cuộc sống, kinh tế và các yếu tố khác, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của anh N là chính đáng và phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

Xét thấy, cháu Nguyễn Phú Q còn nhỏ nên cần giao cho chị Dương Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời giao cháu Nguyễn Dương Thanh B cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

Theo trình bày của chị M và anh N cho thấy vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay tài sản của ai cũng như không cho ai vay tài sản của vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị Dương Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị M; xử cho chị Dương Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Dương Thị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phú Q, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2014 và giao con Nguyễn Dương Thanh B, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2011 cho anh Nguyễn Văn Ntrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002455 ngày 21 tháng 6 năm 2019. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.